

BIỂU THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ , TÁI ĐỊNH CƯ (Đợt 11)
Dự án thành phần 1.1: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, thực hiện GPMB trên địa bàn quận Hà Đông thuộc dự án đầu tư cải tạo,
nâng cấp quốc lộ 6 đoạn Ba La- Xuân Mai trên địa bàn phường Yên Nghĩa
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 9 năm 2026 của UBND phường Yên Nghĩa)

STT	Chủ sử dụng đất	Vị trí đất thu hồi	Tờ bản đồ số	Thửa số	Vị trí	Tổng diện tích thửa đất do đặc hiện trạng (m2)	Diện tích đất thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Diện tích được cấp GCN QSDĐ (m2)	Diện tích chưa được cấp GCN đủ đk bồi thường (m2)	Là đất hành lang giao thông, đất công do UBND phường quản lý (m2)	Số nhân khẩu	Tổng tiền bồi thường về đất	Khấu trừ nghĩa vụ tài chính	Bồi thường về đất sau khấu trừ NVTC	Bồi thường, hỗ trợ về tài sản (đồng)	Bồi thường về cây cối hoa màu (đồng)	Bồi thường chi phí di chuyển tài sản (đồng)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng (đồng)	Tổng tiền BTHT (đồng)	Trường hợp TDC	Diện tích TDC (m2)	Tiền sử dụng đất tái định cư (tạm tính) (đồng)	Tổng tiền BTHT được nhận (tạm tính) (đồng)	Số Quyết định phê duyệt	Ngày Quyết định phê duyệt	Ghi chú
1	2	5	6	7	8	9	10	11	13	14	15	16	17	18	19=17-18	20	21	22	23	24=19+20+21+22+23	25	26	27 = 26*23.671.000	28=24-27			29
1	Đoàn Viết Mạnh - Lê Thị Thuý	TDP Cổ Bản, phường Yên Nghĩa	26	5	Vị trí 1 Quốc lộ 6	243,9	118,6	125,3	0,0	55,7	62,9	5	4.811.644.500,0	0,0	4.811.644.500,0	512.037.723	0,0	0,0	15.000.000,0	5.338.682.223	Không bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ 40; khoản 5 Điều 111 Luật đất đai 2024.		0	5.338.682.223	1501	11/9/2026	
2	Lê Quang Huy	TDP Cổ Bản, phường Yên Nghĩa	29	132	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	75,0	16,5	58,5	16,5	0,0	0,0	0	1.425.352.500,0	0,0	1.425.352.500,0	1.297.050.405,0	0,0	0,0	15.000.000,0	2.737.402.905,0	Không bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ 40/2026/QĐ - UBND ngày 02/04/2026;		0	2.737.402.905	1506	11/9/2026	
3	Trần Khánh Linh - Lại Anh Khoa	TDP Cổ Bản, phường Yên Nghĩa	29	57	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	71,5	36,6	34,9	36,6	0,0	0,0	0	3.161.691.000,0	0,0	3.161.691.000,0	0,0	0,0	0,0	15.000.000,0	3.176.691.000,0	Được bố trí tái định cư theo Khoản 2 Điều 4, QĐ 40/2026/QĐ-UBND 2/4/2026 của UBND TP Hà Nội	50,0	1.183.550.000	1.993.141.000	1515	11/9/2026	
4	Đào Huy Hưng	TDP Nhân Huệ, phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	29	182	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	234,1	53,8	180,3	0,0	10,0	43,8	0	863.850.000,0	0,0	863.850.000,0	35.239.160,0	0,0	0,0	15.000.000,0	914.089.160,0	Không bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ số 40/2026/QĐ - UBND ngày 02/4/2026 và Khoản 5 Điều 111 Luật đất đai 2024.		0	914.089.160	1499	11/9/2026	
5	Ngô Đoàn Khương - Lê Thị Tuyền	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	104	27	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	282,1	218,3	63,8	90,0	0,0	128,3	5	7.774.650.000,0	0,0	7.774.650.000,0	58.965.930,0	0,0	10.000.000,0	30.000.000,0	7.873.615.930,0	Không bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4, Điều 21,22 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	0,0	0	7.873.615.930	1509	11/9/2026	
6	Lê Đình Tường - Nguyễn Thị Diệp	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	97	104	Vị trí 1 Quốc lộ 6	82,0	82,0	0,0	75,8	0,0	6,2	3	6.547.983.000,0	0,0	6.547.983.000,0	0,0	0,0	10.000.000,0	30.000.000,0	6.587.983.000,0	Được bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4, Điều 21,22 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	75,8	1.794.261.800	4.793.721.200	1495	11/9/2026	
7	Lê Thị Hồng	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	97	108	Vị trí 1 Quốc lộ 6	56,1	56,1	0,0	55,5	0,0	0,6	0	4.794.367.500,0	0,0	4.794.367.500,0	0,0	0,0	0,0	30.000.000,0	4.824.367.500,0	Được bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4, Điều 21,22 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	55,5	1.313.740.500	3.510.627.000	1494	11/9/2026	
8	Lê Thị Hoa	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	97	111	Vị trí 1 Quốc lộ 6	55,7	55,7	0,0	55,5	0,0	0,2	0	4.794.367.500,0	0,0	4.794.367.500,0	0,0	0,0	0,0	30.000.000,0	4.824.367.500,0	Được bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4, Điều 21,22 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	55,5	1.313.740.500	3.510.627.000	1492	11/9/2026	
9	Lê Đình Tường - Nguyễn Thị Diệp; Lê Thị Hoa; Lê thị Hồng	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	97	104; 111; 108	0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0	0,0	0,0	0,0	409.621.080,0	0,0	0,0	0,0	409.621.080,0	-	0,0	0	409.621.080	1493	11/9/2026	
10	Hộ Ông Lê Văn Trung	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	187	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	65,9	65,9	0,0	65,9	0,0	0,0	0	5.692.771.500,0	0,0	5.692.771.500,0	78.955.330,0	806.300,0	0,0	30.000.000,0	5.802.533.130,0	Không bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026;	0,0	0	5.802.533.130	1500	11/9/2026	
11	Lê Đình Lộc - Trần Thị Hồng Liễu	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	195	Vị trí 4 Quốc lộ 6A	89,3	29,2	60,1	29,2	0,0	0,0	2	846.800.000,0	0,0	846.800.000,0	106.382.862,0	0,0	0,0	15.000.000,0	968.182.862,0	Không bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026;	0,0	0	968.182.862	1505	11/9/2026	
12	Lê Đình Toàn - Nguyễn Thị Phương	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	200	Vị trí 4 Quốc lộ 6A	106,0	27,4	78,6	27,4	0,0	0,0	2	794.600.000,0	0,0	794.600.000,0	127.785.152,0	0,0	0,0	15.000.000,0	937.385.152,0	Không bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026;	0,0	0	937.385.152	1507	11/9/2026	
13	Lê Thị Kim Anh	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	229-2	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	48,5	48,5	0,0	47,2	0,0	1,3	0	4.077.372.000,0	0,0	4.077.372.000,0	58.773.440,0	0,0	0,0	30.000.000,0	4.166.145.440,0	Được bố trí tái định cư theo Khoản 2 Điều 4, QĐ 40/2026/QĐ-UBND 2/4/2026 của UBND TP Hà Nội	50,0	1.183.550.000	2.982.595.440	1510	11/9/2026	
14	Lê Đình Bình	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	45	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	48,1	47,0	1,1	47,0	0,0	0,0	0	4.060.095.000,0	0,0	4.060.095.000,0	8.547.571,5	0,0	0,0	15.000.000,0	4.083.642.571,5	Được bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4, Điều 21,22 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	50,0	1.183.550.000	2.900.092.572	1530	11/9/2026	

STT	Chủ sử dụng đất	Vị trí đất thu hồi	Tờ bản đồ số	Thửa số	Vị trí	Tổng diện tích thửa đất đo đạc hiện trạng (m2)	Diện tích đất thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Diện tích được cấp GCN QSDĐ (m2)	Diện tích chưa được cấp GCN đủ đk bồi thường (m2)	Là đất hành lang giao thông, đất công do UBND phường quản lý (m2)	Số nhân khẩu	Tổng tiền bồi thường về đất	Khấu trừ nghĩa vụ tài chính	Bồi thường về đất sau khấu trừ NVTC	Bồi thường, hỗ trợ về tài sản (đồng)	Bồi thường về cây cối hoa màu (đồng)	Bồi thường chi phí di chuyển tài sản (đồng)	Thường tiền độ bàn giao mặt bằng (đồng)	Tổng tiền BTHT (đồng)	Trường hợp TDC	Diện tích TDC (m2)	Tiền sử dụng đất tái định cư (tạm tính) (đồng)	Tổng tiền BTHT được nhận (tạm tính) (đồng)	Số Quyết định phê duyệt	Ngày Quyết định phê duyệt	Ghi chú
1	2	5	6	7	8	9	10	11	13	14	15	16	17	18	19-17-18	20	21	22	23	24-19+20+21+22+23	25	26	27 = 26*23.671.000	28-24-27			29
15	Hộ ông Lê Đình Y (đã chết) người đại diện là ông Lê Đình Thắng	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	53	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	298,3	153,7	144,6	146,7	0,0	7,0	6	11.814.876.450,0	0,0	11.814.876.450,0	217.791.043,0	0,0	0,0	15.000.000,0	12.047.667.493,0	Không bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	0,0	0	12.047.667.493	1498	11/9/2026	
16	Lê Việt Mỹ	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	18-1	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	48,0	48,0	0,0	46,9	0,0	1,1	0	4.051.456.500,0	0,0	4.051.456.500,0	96.107.360,0	0,0	0,0	30.000.000,0	4.177.563.860,0	Được bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4, Điều 21,22 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	50,0	1.183.550.000	2.994.013.860	1529	11/9/2026	
17	Lê Đình Hải	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	52-1	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	114,8	83,0	31,8	78,2	0,0	4,8	2	6.668.922.000,0	0,0	6.668.922.000,0	0,0	0,0	10.000.000,0	15.000.000,0	6.693.922.000,0	Được bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4, Điều 21,22 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	78,2	1.851.072.200	4.842.849.800	1527	11/9/2026	
18	Đặng Thị Miến	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	52-2	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	119,0	93,7	25,3	93,7	0,0	0,0	1	8.094.274.500,0	0,0	8.094.274.500,0	773.598.319,5	992.400,0	10.000.000,0	15.000.000,0	8.893.865.219,5	Được bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4, Điều 21,22 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	90,0	2.130.390.000	6.763.475.220	1526	11/9/2026	
19	Hộ ông Lê Đình Khang	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	82-1	Vị trí 3 Quốc lộ 6A	130,1	8,5	121,6	8,1	0,0	0,4	0	329.670.000,0	0,0	329.670.000,0	0,0	0,0	0,0	15.000.000,0	344.670.000,0	Không bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	0,0	0	344.670.000	1496	11/9/2026	
20	Trịnh Thị Hạnh - Lê Thị Thảo Linh	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	107	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	30,1	30,1	0,0	30,1	0,0	0,0	0	2.600.188.500,0	0,0	2.600.188.500,0	22.827.100,0	0,0	0,0	30.000.000,0	2.653.015.600,0	Được bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4, Điều 21,22 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	50,0	1.183.550.000	1.469.465.600	1491	11/9/2026	
21	Đặng Minh Lợi, Lưu Hồng Loan	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	257	Vị trí 4 Quốc lộ 6A	192,10	0,04	192,06	0,00	0,00	0,04	4,00	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	Không bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ 40; khoản 5 Điều 111 Luật đất đai 2024.	0,0	0	0	1503	11/9/2026	
22	Lê Đình Đám, Đặng Thị Cây	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	288	Vị trí 4 Quốc lộ 6A	239,4	21,0	218,4	21,0	0,0	0,0	4	609.000.000,0	0,0	609.000.000,0	41.447.080,0	0,0	0,0	15.000.000,0	665.447.080,0	Không bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	0,0	0	665.447.080	1502	11/9/2026	
23	Lê Thái Thọ, Lê Thị Kiên	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	229-1	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	45,9	45,9	0,0	45,0	0,0	0,9	4	3.887.325.000,0	0,0	3.887.325.000,0	55.530.156,0	0,0	10.000.000,0	30.000.000,0	3.982.855.156,0	Được bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4, Điều 21,22 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	50,0	1.183.550.000	2.799.305.156	1508	11/9/2026	
24	Nguyễn Văn Trường	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	97	110-2	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	111,8	23,3	88,5	23,3	0,0	0,0	6	2.012.770.500,0	0,0	2.012.770.500,0	49.000.650,0	0,0	0,0	15.000.000,0	2.076.771.150,0	Không bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	0,0	0	2.076.771.150	1516	11/9/2026	
25	Lê Đắc Lực	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	203	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	171,8	171,8	0,0	171,3	0,0	0,5	8	14.797.750.500,0	0,0	14.797.750.500,0	285.576.301,0	393.100,0	10.000.000,0	30.000.000,0	15.123.719.901,0	Được bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4, Điều 21,22 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	90,0	2.130.390.000	12.993.329.901	1504	11/9/2026	
26	Trần Văn Long- Vi Thị Lan Hương	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	261-2	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	56,1	56,1	0,0	56,0	0,0	0,1	4	4.837.560.000,0	0,0	4.837.560.000,0	54.022.290,0	0,0	10.000.000,0	30.000.000,0	4.931.582.290,0	Được bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4, Điều 21,22 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	56,0	1.325.576.000	3.606.006.290	1517	11/9/2026	
27	Nguyễn Tiến Dũng	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	63	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	87,9	81,5	6,4	78,0	0,0	3,5	0	6.738.030.000,0	0,0	6.738.030.000,0	124.612.233,0	0,0	0,0	30.000.000,0	6.892.642.233,0	- Được bố trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4, Điều 21,22 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026; - Hộ gia đình có 2 thửa 55 và 63 tờ 98 nằm trong chỉ giới: +Thửa 55 tờ 98: DT còn lại: 7,9m2; + DT thu hồi thửa 55+63: 34,9m2+78,0m2;	90,0	2.130.390.000	4.762.252.233	1528	11/9/2026	
28	Nguyễn Tiến Dũng	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	55	Vị trí 3 Quốc lộ 6A	43,9	36,0	7,9	34,9	0,0	1,1	4	1.115.180.000,0	0,0	1.115.180.000,0	50.154.975,0	0,0	10.000.000,0	30.000.000,0	1.205.334.975,0	Bố trí tái định cư tại thửa 63, tờ bản đồ số 98	0,0	0	1.205.334.975	1512	11/9/2026	

STT	Chủ sử dụng đất	Vị trí đất thu hồi	Tờ bản đồ số	Thửa số	Vị trí	Tổng diện tích thửa đất đo đạc hiện trạng (m2)	Diện tích đất thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Diện tích được cấp GCN QSDĐ (m2)	Diện tích chưa được cấp GCN đủ đk bồi thường (m2)	Là đất hành lang giao thông, đất công do UBND phường quản lý (m2)	Số nhân khẩu	Tổng tiền bồi thường về đất	Khấu trừ nghĩa vụ tài chính	Bồi thường về đất sau khấu trừ NVTC	Bồi thường, hỗ trợ về tài sản (đồng)	Bồi thường về cây cối hoa màu (đồng)	Bồi thường chi phí di chuyển tài sản (đồng)	Thường tiền độ bàn giao mặt bằng (đồng)	Tổng tiền BTHT (đồng)	Trường hợp TDC	Diện tích TDC (m2)	Tiền sử dụng đất tái định cư (tạm tính) (đồng)	Tổng tiền BTHT được nhận (tạm tính) (đồng)	Số Quyết định phê duyệt	Ngày Quyết định phê duyệt	Ghi chú
1	2	5	6	7	8	9	10	11	13	14	15	16	17	18	19-17-18	20	21	22	23	24-19+20+21+22+23	25	26	27 = 26*23.671.000	28-24-27			29
29	Nguyễn Văn Hằng	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	48	Vị trí 3 Quốc lộ 6A	264,1	0,1	264,0	0,1	0,0	0,0	7	4.070.000,0	0,0	4.070.000,0	25.949.990,0	0,0	0,0	15.000.000,0	45.019.990,0	Không bồi trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	0,0	0	45.019.990	1513	11/9/2026	
30	Nguyễn Thị Minh (đã chết), đại diện cho các đồng thừa kế Nguyễn Thị Nguyễn	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	189	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	19,2	19,2	0,0	0,0	14,15	5,05	0	370.503.600,0	0,0	370.503.600,0	28.414.133,0	0,0	0,0	30.000.000,0	428.917.733,0	Không bồi trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ 40/2026/QĐ - UBND ngày 02/04/2026	0,0	0	428.917.733	1514	11/9/2026	
31	Nguyễn Đắc Cường	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	104	3	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	88,1	9,0	79,1	0,0	0,0	9,0	2	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	Không bồi trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ 40/2026/QĐ - UBND ngày 02/04/2026	0,0	0	0	1511	11/9/2026	
32	Lê Thị Vân	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	104	4	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	130,1	10,4	119,7	0,0	0,0	10,4	0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	Không bồi trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ 40/2026/QĐ - UBND ngày 02/04/2026	0,0	0	0	1533	11/9/2026	
33	Hộ ông Trần Đình Thành	TDP Cổ Bán, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	30	22	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	113,3	109,1	4,2	63,8	0,0	45,3	2	5.511.363.000,0	0,0	5.511.363.000,0	55.629.920,0	0,0	10.000.000,0	30.000.000,0	5.606.992.920,0	Không bồi trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ 40/2026/QĐ - UBND ngày 02/04/2026	0,0	0	5.606.992.920	1531	11/9/2026	
34	Ông Đoàn Viết Đăng (đã chết) Người đại diện cho các đồng thừa kế: bà Trần Thị Minh	TDP Nhân Huệ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	30	31	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	189,8	68,7	121,1	0,0	0,0	68,7	4	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	Không bồi trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ 40/2026/QĐ - UBND ngày 02/04/2026	0,0	0	0	1532	11/9/2026	
35	Hộ ông Nguyễn Bá Hùng	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	91	280	Vị trí 4 Quốc lộ 6A	249,6	164,1	85,5	162,6	0,0	1,5	9	4.715.400.000,0	0,0	4.715.400.000,0	1.849.530.941,0	0,0	0,0	15.000.000,0	6.579.930.941,0	Không bồi trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ 40/2026/QĐ - UBND ngày 02/04/2026	0,0	0	6.579.930.941	1524	11/9/2026	
36	Lê Tiến Oanh - Đặng Thị Hạnh	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	34	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	71,0	71,0	0,0	71,0	0,0	0,0	2	6.133.335.000,0	0,0	6.133.335.000,0	200.152.250,0	0,0	10.000.000,0	30.000.000,0	6.373.487.250,0	Được bồi trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4, Điều 21,22 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	71,0	1.680.641.000	4.692.846.250	1522	11/9/2026	
37	Lê Đắc Kiên	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	24-1	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	96,7	90,1	6,6	89,9	0,0	0,2	1	7.755.645.300,0	0,0	7.755.645.300,0	590.143.795,0	620.200,0	10.000.000,0	30.000.000,0	8.386.409.295,0	Được bồi trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4, Điều 21,22 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	89,9	2.128.022.900	6.258.386.395	1525	11/9/2026	
38	Lê Đắc Chung - Nguyễn Thị Hạnh	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	24-2	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	130,5	116,9	13,6	116,9	0,0	0,0	3	9.861.711.600,0	0,0	9.861.711.600,0	1.050.091.236,0	0,0	10.000.000,0	30.000.000,0	10.951.802.836,0	Được bồi trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4, Điều 21,22 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	90,0	2.130.390.000	8.821.412.836	1523	11/9/2026	
39	Hộ ông Lê Xuân Tiến	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	44	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	64,0	64,0	0,0	64,0	0,0	0,0	0	5.528.640.000,0	0,0	5.528.640.000,0	67.866.030,0	0,0	0,0	30.000.000,0	5.626.506.030,0	Không bồi trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ 40/2026/QĐ - UBND ngày 02/04/2026	0,0	0	5.626.506.030	1519	11/9/2026	
40	Lê Đức Triệu - Đặng Thị Huệ	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	98	21	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	134,0	134,00	0,0	133,1	0,0	0,9	4	11.497.843.500,0	0,0	11.497.843.500,0	1.020.558.320,0	413.500,0	10.000.000,0	30.000.000,0	12.558.815.320,0	Được bồi trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4, Điều 21,22 QĐ 40/2026/QĐ -UBND ngày 02/4/2026	90,0	2.130.390.000	10.428.425.320	1520	11/9/2026	
41	Nguyễn Đình Tiến	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	97	148	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	108,0	4,2	103,8	0,0	0,0	4,2	0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	Không bồi trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ 40/2026/QĐ - UBND ngày 02/04/2026	0,0	0	0	1521	11/9/2026	
42	Lê Thị Chính	TDP Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội	97	130	Vị trí 1 Quốc lộ 6A	81,6	18,7	62,9	0,0	0,0	18,7	0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	Không bồi trí tái định cư theo khoản 2 Điều 4 QĐ 40/2026/QĐ - UBND ngày 02/04/2026	0,0	0	0	1518	11/9/2026	
Tổng cộng:						4.887,4	2.587,7	2.299,7	2.081,2	79,9	426,7	94,0	168.581.060.450,0	0,0	168.581.060.450,0	9.352.362.776	3.225.500	130.000.000	825.000.000	178.891.648.726	0	1.232	29.160.304.900	149.731.343.826			